UNIT 1: LOCAL ENVIRONMENT

LOOKING BACK

I/ NEW WORDS:

- liquid /ˈlɪk.wɪd/	(adj) : lỏng
- stitch /stɪtʃ/	(n) : mũi đan, mũi thêu
- thread /θred/	(n) : sợi, chỉ
- strip /strɪp/	(n) : dải, băng, sọc
- needle /ˈniː.dəl/	(n) : kim, que đan
- desire /dɪˈzaɪər/	(n) : sự mơ ước, khát khao
- outskirts /ˈaʊt.skɜːts/	(n) : ngoại ô
- species /ˈspiː.ʃiːz/	(n) : loài
- zone /zəʊn/	(n) : khu vực, vùng, miền
- compound	(n) : k.vực có h.rào vây quanh

LIVEWORKSHEETS